TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-PT
Ngày: 19 -02-2020
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất , hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, buộc di dời tài sản trả lại đất.".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Hải

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Bà Phạm Thị Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang : Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 14 và 19 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 về viêc "*"Tranh chấp Quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, buộc di dời tài sản trả lại đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 189/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 217/2019/QĐ-PT ngày 31/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị T, sinh năm: 1942; địa chỉ: Khóm Th L, thị trấn B Ch, huyện Tr T, tỉnh A G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Hà Quang Văn – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

2. *Bị đơn*: Bà Dương Thị N, sinh năm: 1941; địa chỉ cư trú: Khóm N N, thị trấn B Ch, huyện Tr T, tỉnh A G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn Phúc là luật sự - Văn phòng Luật sư Lê Văn Phúc thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Dương Văn Kh, sinh năm: 1938. (chết).

Kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Dương Văn Kh:

3.1.1. Ông Dương Văn N, sinh năm: 1961; địa chỉ: Tổ 16, ấp B X, xã A C, huyện T B, tỉnh A G.

3.1.2. Bà Dương Thị O (M), sinh năm: ; địa chỉ: Tổ 18, khóm N N, thị trấn B Ch, huyện Tr T, tỉnh A G.

3.1.3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1943; địa chỉ: Khóm N N, thị trấn B Ch, huyện tr T, tỉnh A G;

Chỗ ở: Tổ 4, ấp A Ph, xã V Ph, huyện Tr T, tỉnh A G.

3.1.4. Chị Dương Thị Ng (Đ), sinh năm: 1982; địa chỉ: Tổ 4, ấp A Ph, xã V Ph, huyện T T, tỉnh A G.

3.2. Ông Dương Văn T, sinh năm: 1946

3.3. Ông Dương Văn L, sinh năm: 1988 – bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1989.

3.3.1. Dương Minh H, sinh năm: 2011;

3.3.2. Dương Thị Mỹ H, sinh năm: 2013;

3.3.3.Dương Thị Mỹ D, sinh ngày 03/7/2018

Giám hộ cho H, H, D là Dương Văn L, sinh năm: 1988; cư trú: khóm N N, thị trấn B Ch, huyện Tr T.

3.4. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1969; Bà Dương Thị O (M), sinh năm: 1975 (chết tháng 10 năm 2019)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà O:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1969

Bà Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm: 1992

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1991

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1997

Cùng địa chỉ: Khóm N N, thị trấn B Ch, Tr T, A G.

3.4.1. Nguyễn Văn N, sinh năm: 1991;

3.4.2. Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm: 1992;

Cùng địa chỉ: Khóm N N, thị trấn B Ch, huyện Tr T, tỉnh A G

3.5. Ông Nguyễn Văn A (H), sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Khóm A H A, thị trấn B Ch, huyện Tr T, tỉnh A G.

3.6. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1980

3.7. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1974;

3.8. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm: 1967;

3.9. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1977.

Cùng địa chỉ: Khóm Th L, thị trấn B Ch, huyện Tr T, A G.

3.10. Ủy ban nhân dân huyện Tr T.

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Tr T, huyện Tr T, AG.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Huỳnh Văn M – Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tr T, ông Võ Văn Ph – Chủ tịch UBND thị trấn B Ch, huyện Tr T.

Văn bản ủy quyền số 15/2016/GUQ-UBND ngày 12/8/2016 (xin vắng

mặt).

3.11. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tr Tôn; địa chỉ: Đường Thái Quốc Hùng, khóm 4, thị trấn Tr T, huyện Tr T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái H – Phó Chi Cục Trưởng – Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tr T (Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 29/8/2006 cùng các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày:

Nguyên cha mẹ bà là ông Dương Văn H (chết 1981) – bà Lâm Thị Viết (chết 1992). Khi chết cha mẹ không để lại di chúc; cha mẹ có 04 người con là: Dương Văn Kh, bà (Dương Thị T), Dương Thị N và Dương Văn T. Khi còn sống, cha mẹ có tạo lập được tài sản, gồm đất ruộng và đất thổ cư. Đối với đất ruộng thì cha mẹ đã chia xong, không ai tranh chấp. Riêng phần đất thổ cư, kích thước ngang 20m x dài 48m = 960m2, tọa lạc tại khóm Núi Nước, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn thì chưa chia, nên vào năm 1998 anh Kh và em T tranh chấp. Vụ việc được ban khóm là ông Ngô Văn Đảm khi đó hòa giải anh em thống nhất chia diện tích đất trên làm bốn phần bằng nhau, mỗi người được ngang 5m x dài 48m và cắm mốc ranh, có chứng kiến của ông Đảm.

Đến năm 2002 bà có việc đi Sài Gòn nửa tháng thì ở nhà bà N đăng ký kê khai QSD đất luôn phần đất của bà. Khi trở về, bà đến hỏi thì bà N bảo khi nào có giấy chứng nhận QSD đất thì bà tách chuyển quyền sử dụng lại; tin lời bà N, bà không khiếu nại. Đến khi bà N được được UBND huyện Tri Tôn cấp QSD đất số Đ 317360, diện tích 572,3m2 theo thửa 35 tờ bản đồ số 13 ngày 02/3/2004 xong, bà yêu cầu chuyển lại phần đất cho bà thì bà N không thực hiện.

Vụ việc được Tòa án các cấp xét xử như sau:

- Tại bản án sơ thẩm số 48/2007/DS-ST, ngày 06/7/2007, của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, chấp nhận yêu cầu của bà.

+ Buộc bà N có trách nhiệm trả cho bà 240m2 theo thửa 25, tờ bản đồ 13 nằm trong 572,3m2 giấy chứng nhận QSD đất số Đ 317360 cấp ngày 02/3/2004 mang tên hộ Dương Thị N.

+ Buộc bà O di dời nhà trả lại đất.

- Bản án phúc thẩm số 13/2008/DS-PT ngày 11/01/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, quyết định giữ nguyên bản án số 48/2007/DS-ST ngày 06/7/2007 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Sau khi xét xử phúc thẩm, Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn thi hành:

+ Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn ra quyết định số: 8579/QĐ-UB ngày 31/12/2009 thu hồi giấy chứng nhận QSD đất số Đ 317360 của hộ bà N;

+ Cấp lại cho bà QSD đất số: CH 01503/mL ngày 11/11/2010 diện tích 214,3m2, theo tờ bản đồ 13 thửa 269.

- Tại Quyết định Giám đốc thẩm số: 303/2011/QĐ-GĐT ngày 24/4/2011 của Tòa án dân sự Tòa án nhân dân Tối cao: Hủy cả bản dân sự sơ thẩm, bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, với nhận định:

+ Bà O khai phần đất tranh chấp là do cụ Hiển và cụ Viết cho bà, nhưng chưa làm rõ về chứng cứ tặng cho;

+ Công văn 184/THA ngày 07/5/2008 và Công văn 224/THA ngày 13/6/2008 của Chi cục Thi hành án Tri Tôn thì trên đất có 02 ngôi nhà, 03 ngôi mộ, chuồng heo, hầm chứa Biogaz, nhưng Tòa án chưa làm rõ để giải quyết.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2013/DS-ST ngày 27/6/2013 lần 2 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn,

xử:

+ Buộc bà N trả cho bà 214,3m2, theo bản đồ hiện trạng ngày 29/8/2012 của Văn phòng đăng ký QSD đất;

+ Buộc vợ chồng L – N tháo dỡ, di dời nhà trả lại đất.

- Bản án dân sự phúc thẩm số 306/2013/DS-PT ngày 17/12/2013 lần 2 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xử:

+ Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2013/DS-ST ngày 27/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, với nhận định:

+ Do quyết định giám đốc thẩm số 303/2011/QĐ-GĐT ngày 24/4/2011 của Tòa án dân sự Tòa án nhân dân Tối cao hủy 02 bản án sơ, phúc thẩm, nên Quyết định thu hồi QSD đất số 8579/QĐ-UB ngày 31/12/2009 của UBND huyện Tri Tôn không có giá trị pháp lý, và vì vậy giấy chứng nhận QSD đất cấp cho hộ bà N diện tích 572,3m2 còn nguyên giá trị;

+ Tòa sơ thẩm không thu thập chứng cứ việc cấp chứng nhận QSD đất của bà T, bà N có phù hợp quy định hay không? Và không đưa UBND huyện Tri Tôn vào tham gia tố tụng…

+ Cũng cần xác định việc cấp QSD đất diện tích 572,3m2 cho hộ Dương Thị N vào ngày 02/3/2004 (theo Luật đất đai 1993) là cấp cho cá nhân hay là cấp cho hộ bà N? để đưa người tham gia tố tụng.

Xét Tòa án hủy án là hủy do sai sót về thủ tục, chứ không sai về nội dung. Do dó, nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu trả lại đất, nhưng tại thời điểm này thì nhà là của vợ chồng L – Ng cùng ba đứa con H, H, D ở trên đất nên bà yêu cầu:

+ Vợ chồng L – Ng cùng ba đứa con phải di dời nhà trả lại đất cho bà.

+ Đối với 04 ngôi mộ gồm các ông bà: Dương Hoàng Hậu, Dương Hùng Vân, Lê Thị Thê, Dương Văn Khánh thì được giữ nguyên.

+ Riêng QSD đất của bà thì do hộ bà N (có L) đứng tên theo số: 04765/mL ngày 02/3/2004 thì bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất cấp lại 01 phần đất thuộc QSD đất của bà như Tòa án xét xử trước đây.

Đối với phản tố của bà O về bồi thường thiệt hại thì bà không đồng ý; bởi: Việc tháo dỡ, di dời nhà bà O là do Cơ quan Thi hành án thực hiện theo bản án có hiệu lực chứ không phải do các con bà tự ý thực hiện.

Bị đơn bà Dương Thị N trình bày:

Thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là do cha mẹ để lại và cha mẹ có 04 người con như bà T trình bày, nhưng khi anh Kh và T tranh chấp vào năm 1998, bà có đứng ra chia cho anh Kh, T mỗi người 01 phần ngang 5m x dài 48m. Còn phần của bà T thì do trước đó cha mẹ chia cho bà T 13 công ruộng, nhiều hơn anh em khác 03 công, từ đó bà T từ chối nhận đất thổ cư và cũng không được hưởng phần đất thổ cư này mà giao lại cho bà quản lý, sử dụng để thờ cúng ông bà. Chính vì vậy mà năm 2001 bà đi đăng ký và ngày 02/3/2004 bà được UBND huyện Tri Tôn cấp chứng nhận QSD đất số Đ 317360 với diện tích 572,3m2.

Tháng 8/2012 bà sang nhượng 01 phần đất trong 572,3m2 cho Dương Thị O, giá 60.000.000 đồng. O cất nhà ở nhưng Cơ quan Thi hành án thi hành buộc tháo dỡ, di dời, hiện tại phần đất này bà cho lại vợ chồng L – Ng cùng 03 con của nó sử dụng cất nhà ở và bà không đồng ý cho L – Ng di dời cũng không đồng ý hủy giấy chứng nhận QSD đất theo yêu cầu của bà T. Việc bà T cho rằng ban khóm đứng ra chia đất có chứng kiến của ông Đảm là không có.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Văn Kh trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp đúng là của cha mẹ để lại và do bà N quản lý, sử dụng. Khi con ông T bị chém thì bà N đứng ra chia cho ông và ông T với mỗi người ngang 5m x dài 48m, lúc chia không có ban khóm cũng không có mặt bà T. Phần chia của ông và ông T thì hai ông đã sang nhượng cho người khác, nên không có ý kiến hay yêu cầu. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 14/3/2007 ông Kh trình bày là do ông T định giành hết đất, nên các anh em mới gửi đơn đến ban khóm và tại đây ông Ngô Văn Đảm hòa giải chia làm bốn phần, phần của bà T, bà T không nhận và giao cho bà N.

Kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Dương Văn Kh:

Bà Dương Thị O (M) thống nhất với trình bày của cha bà (Dương Văn Kh). Tại các biên bản cùng ngày 12/6/2019 các ông bà: Dương Văn N, Dương Thị Ng (Đỏ), Nguyễn Thị L cùng trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bà T, bà N có nguồn gốc là của cha mẹ của bà T, bà N để lại, nhưng khi còn sống cha, chồng của các ông bà là ông Kh cũng có hưởng một phần, nên hiện phần đất tranh chấp giữa bà T, bà N các ông bà không có ý kiến cũng không có yêu cầu.

Ông Dương Văn T trình bày:

Thống nhất với các bên về nguồn gốc đất, diện tích đất và đúng như bà T trình bày là phần đất trên vào năm 1998, 04 anh em có nhờ ban khóm là ông Ngô Văn Đảm hòa giải và các bên thống nhất chia làm 04 phần, mỗi người 01 phần ngang 5m x dài 48m và cắm mốc ranh. Phần của ông và anh Kh đã nhận

xong, sau chuyển nhượng cho người khác. Đối với phần đất của bà T, do trước đó có nhà của Dương Thị O nên bà T tiếp tục cho ở nhờ, đến khi bà T đi Sài Gòn thì bà N ở nhà kê khai và đứng tên chứng nhận QSD đất luôn cả phần đất của bà T. Việc bà N cho rằng bà T khi chia mà không nhận là không đúng, còn lý do bà T chia đất ruộng nhiều hơn anh em khác là vì đất ruộng bà T được chia là đất phèn không có giá trị như đất của 03 anh em còn lại.

Ông Dương Văn L trình bày:

Ông là con nuôi của bà Nă, trên phần đất tranh chấp có căn nhà của vợ chồng ông (vợ ông tên Nguyễn Thị Ng) cùng ba đứa con tên Dương Minh H, Dương Thị Mỹ H, Dương Thị Mỹ D đang ở. Nhà có kết cấu: Khung gỗ tạp, lợp tol, vách tol, nền tráng xi măng, kích thước ngang 3,8m x dài 6,9m là do bà N cho vợ chồng ông cất vào tháng 9/2011, ngay sau khi Tòa án Tối cao hủy 02 bản án của Tòa án huyện và Tòa án tỉnh. Khi cất ông không trình báo địa phương, nay ông không đồng ý di dời trả lại đất theo yêu cầu của bà T. Còn việc ông đứng tên cùng hộ bà N vào thời điểm bà N được cấp chứng nhận QSD đất năm 2004 chỉ là thủ tục do Nhà Nước ghi nhận, chứ phần đất trên không liên quan đến ông, nên ông không có yêu cầu gì về phần đất tranh chấp do bà N được cấp.

Bà Dương Thị O (M) trình bày:

Bà là con ruột ông Dương Văn Kh, phần đất tranh chấp đúng là của ông bà nội bà (cụ Hiển – cụ Viết), cho bà sử dụng cất nhà ở từ năm 1987, nhà khi đó có kết cấu khung cột bê tông, lợp tol, vách tol, nền xi măng. Sau khi Thi hành án thi hành thì nhà bà dời qua đất của N như hiện nay, riêng phần tài sản là vật kiến trúc bên nền đất củ gồm: 01 hầm Biogaz và 04 chuồng heo thì do các con bà T, gồm: Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn Q (Q) và con rễ tên H đập phá làm thiệt hại trị giá bằng 30.000.000 đồng, nay bà yêu cầu bà T phải bồi thường. Riêng về tài liệu chứng cứ chứng minh đất do cụ Hiển – cụ Viết cho thì bà không có, chỉ nói miệng với bà mà thôi.

Ông Nguyễn Văn L: Thống nhất với trình bày của bà O.

Các anh, chị: Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Kim Ch cùng trình bày:

Căn nhà của cha mẹ anh chị (O – L) được bà N cho cất để sinh sống, ngoài ra còn có cơ sở chăn nuôi là chuồng bò, chuồng heo nhưng việc tranh chấp giữa hai bên như thế nào anh, chị không biết, chỉ biết bị đập phá cơ sở chăn nuôi và tháo dỡ di dời nhà làm thiệt hại về tài sản của cha mẹ anh chị, nên có ý kiến là buộc bồi thường lại như mẹ anh chị đã yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn Q (Q) trình bày:

Ông là con ruột bà T; thời điểm Thi hành án huyện Tri Tôn thi hành, ông có mặt tại đó nhưng không có đập phá, chỉ kéo dây chì để rào lại; còn bà Hào lấy gaz đậy lên nắp hầm chứa biogaz, vì hầm khi đó xây gạch cao khoảng 50cm nhưng không nắp đậy bị thoát mùi hồi thối, sau khoảng 10 ngày bà Hào cào đất đá lắp hầm lại.

Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là con ruột bà T, thời điểm Thi hành án bà có mặt nhưng không đập phá, bà chỉ lấy gaz đậy lên nắp hầm chứa, sau khoảng 10 ngày bà cào đất đá và cây lắp hầm, bà thống nhất theo ý kiến bà T là không đồng ý bồi thường.

Các ông bà: Nguyễn Văn A (H), Nguyễn Thị Tr cùng trình bày:

Các ông bà cùng là con bà T. Tại thời điểm Thi hành án thi hành, các ông bà không có mặt. Do ông H làm hồ ở xa, bà Tr mua bán ngoài chợ, bà H bận giữ nhà, nên không có tham gia đập phá. Riêng bà H sau 10 ngày thì có cùng bà H dọn dẹp, cào đất đá lắp hầm. Các ông bà thống nhất ý kiến của mẹ ruột (bà T) là không đồng ý bồi thường.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Thống nhất với trình bày cùa ông H, bà Tr.

Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Tri Tôn - ông Huỳnh Văn M trình bày:

Năm 2000 nhà nước có chủ trương đo đạc đại trà lập thủ tục cấp chứng nhận QSD đất cho người dân tại thị trấn Ba Chúc, trong số đó có bà Dương Thị N kê khai và được cấp chứng nhận QSD đất diện tích 572,3m2. Năm 2006 bà T tranh chấp đòi lại 240m2 trong số 572,3m2 do hộ bà N đứng tên. Qua hòa giải xác định phần đất bà N đứng tên QSD đất có nguồn gốc là của cha mẹ để lại cho cả bà T và bà N, nhưng quy trình cấp QSD đất 572,3m2 cho hộ bà N mà không có đồng thuận của cả anh em, trong đó có bà T là có sai sót, nên sau khi bản án sơ thẩm số: 48/2007/DS-ST, ngày 06/7/2007, của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn có hiệu lực thì Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn ban hành quyết định số 8579/QĐ-UB ngày 31/12/2009 thu hồi giấy chứng nhận QSD đất số 037360 của hộ bà N, cấp lại cho bà T QSD đất số: BB 026078 ngày 11/11/2010 diện tích 214,3m2, theo tờ bản đồ 13 thửa 269 là đúng, nay UBND huyện Tri Tôn giữ nguyên ý kiến này…

Đại diện theo ủy quyền Chi Cục thi hành án huyện Tr T – ông Nguyễn Thái H trình bày:

Quá trình giải quyết vụ án Chi cục Thi hành án đã cung cấp tài liệu cho Tòa án. Tại biên bản giải quyết Thi hành án ngày 01/6/2009, bà Dương Thị O trình bày: *Qua động viên, thuyết phục của Cơ quan THA, tôi tự nguyện di dời nhà các công trình phụ*. Tại biên bản cưởng chế giao đất ngày 12/6/2009 thể hiện *trên phần đất được giao có 01 cây xoài, 01 cây gòn… lúc này trên đất không còn tài sản nào khác*. Chi cục Thi hành án giữ nguyên ý kiến và không cung cấp tài liệu gì thêm.

Giai đoạn hòa giải, các bên thống nhất:

- Diện tích đất tranh chấp là 214,3m2, theo bản đồ hiện trạng ngày 29/8/2012 , thể hiện tại các điểm: 1, 4, 30, 15 của Văn phòng đăng ký QSD đất huyện Tri Tôn; trên đất có: 01 cây bàn; 01 bàn thông thiên; 01 căn nhà của ông Lượm – bà Ngọc, nhà có kết cấu: khung gỗ tạp, lợp tol, vách tol, nền tráng xi

măng, kích thước ngang 3,8m x dài 6,9m gắn liền nhà bếp cùng kết cấu; 01 chuồng gà; 01 cây nam dồ; 01 cây bạch đàn; có 04 ngôi mộ của: Dương Hoàng Hậu, Dương Hùng Vân, Lê Thị Thê, Dương Văn Khánh.

- Ông L – bà Ng có ba con sống chung nhà là: Dương Minh H, Dương Thị Mỹ H, Dương Thị Mỹ D.

- Đất tranh chấp được cấp mang tên hộ Dương Thị N, nhưng bà N, ông L cho rằng: Việc ghi tên hộ chỉ theo quy định, chứ phần đất thuộc của bà N không liên quan đến Dương Văn L.

- Quan hệ chuyển nhượng đất giữa bà N, bà O hai bên không yêu cầu.

Các bên không thống nhất:

- Bà T: Giữ nguyên yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận QSD đất của hộ bà Dương Thị N. (Giấy số Đ 317360 do UBND huyện Tri Tôn cấp ngày 02/3/2004 với diện tích 572,3m2). Buộc vợ chồng L – Ng cùng các con phải di dời nhà trả lại đất, cấp lại cho bà QSD diện tích 214,3m2 như trước đây.

- Bà N, ông L không đồng ý.

- Bà Dương Thị O: Yêu cầu bà T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản bằng 30.000.000 đồng, do hành vi của các ông bà Tr, H, H, Q và con rễ tên H gây ra.

Tại phiên tòa, các ông bà: N, L, Ng, Ng, L, N, Ch, A (H), Tr, H, M, Ph, H vắng mặt. Riêng bà T, bà N, ông L, bà O, ông T, Q, H bảo lưu quan điểm.

Tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T.

Hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số Đ 361360, do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 02/3/2004 diện tích 572,3m2, theo thửa 35, tờ bản đồ 13 mang tên hộ Dương Thị N.

Buộc ông Dương Văn L– bà Nguyễn Thị Ng, cùng 03 con chung tên: Dương Minh H, Dương Thị Mỹ H, Dương Thị Mỹ D, (do ông L giám hộ) có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời nhà và vật kiến trúc gồm: 01 cây bàn; 01 bàn thông thiên; 01 căn nhà có kết cấu: Khung gỗ tạp, lợp tol, vách tol, nền tráng xi măng, kích thước ngang 3,8m x dài 6,9m, gắn liền nhà bếp cùng kết cấu; 01 chuồng gà; 01 cây Nam dồ; 01 cây bạch đàn để trả lại cho bà Dương Thị T 214,3m2 đất tại các điểm: 1, 4, 30, 15, theo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 29/8/2012, của Văn phòng đăng ký QSD đất huyện Tri Tôn.

Cho ông L – bà Ng cùng 03 con chung H, H, D được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công nhận tự nguyện của bà T, về việc giữ nguyên hiện trạng 04 ngôi mộ của các ông bà: Dương Hoàng Hậu, Dương Hùng Vân, Lê Thị Thê, Dương Văn Khánh.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm

quyền để làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Dương Thị O (M) về yêu cầu buộc bà Dương Thị T phải bồi thường thiệt hại về tài sản trị giá 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/8/2019 bà Dương Thị N và ông Dương Văn L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp Phúc Thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang với lý do bản án không khách quan, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Trong quá trình gải quyết tại cấp phúc thẩm bà Dương Thị O (M) chết nên cấp phúc thẩm đưa chông và các con bà O gồm gồm: ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kim Ch, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Vă L vào tham gia tố tụng với tư cách là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Oanh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Dương Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo cùa bà N, ông L giữ nguyên bản án sơ thẩm. Trợ giúp viên pháp ly Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước An Giang ông Vân đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà N, ông L, giữ nguyên án sơ thẩm, lý do bản án giám đốc thẩm xác định việc xét xử của tòa án là đúng về nội dung chỉ thiếu sót về tố tụng và cấp sơ thẩm đã khắc phục.

Bị đơn bà Dương Thị N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn L vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông bà hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn. Tại phiên tòa bà N khai bất nhất khi thì cho rằng đất của cha mẹ để lại bà T từ chối nhận giao cho bà quản lý thờ cúng vì bà không có chồng, khi thì cho rằng đất của bà mua, còn đất cha mẹ cho ông T, ông Kh đã bán hết.

Ông Lượm không có ý kiến gì thêm, ông không đồng ý di dời nhà, vật kiến trúc, cây cối.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn xem xét hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn với lý do bản án không khách quan, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như xác định quan hệ pháp luật chưa đúng, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh đòi lại đất, phán quyết không có căn cứ bà T không được nhà nước thừa nhận và không có quá trình quản lý đất, còn bà N đã được nhà nước công nhận và có quá trình quản lý sử dụng đất; tồn tại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa thu hồi…

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Văng L đơn xin xét kháng cáo trễ hạn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm và tại phiên tòa người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi lẽ bà N, ông L nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới; cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Luật sư, của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Dương Thị N và ông Dương Văn L kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà N và ông L:

[2.1] Về nội dụng vụ án: Bà N và ông L cho rằng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của bà T. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng các bên thống nhất đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Dương Văn Hiển (Chết năm 1981) và Lâm Thị Viết (Chết năm 1992). Cụ Hiển – cụ Viết có 04 người con là Kh, T, N, T và phần đất ngang 20m x dài 48m đã được phân chia thành 04 phần, cho 04 người; phần chia của ông Kh, ông T hai ông đã nhận và sang nhượng cho người khác; phần của bà T, bà N hiện do bà N quản lý, sử dụng được bà N thừa nhận thể hiện tại các biên bản ngày 15/6/2006 (BL - 12), ngày 14/3/2007 (BL - 17), tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc ngày 20/6/2006 bà N, bà T, ông T, ông Kh cùng thừa nhận năm 1999 anh em tự thỏa thuận chi ra làm 04 phần (đất ở) mỗi người ngan 5m dài 48m (BL 08). Khi phân chia có chứng kiến của trưởng khóm khi đó là ông Ngô Văn Đảm và được ông Đảm xác nhận nội dung, đồng thời ông Đảm cùng với ông Nguyễn Văn Sạch đứng ra đo cấm mốc cho các ông bà, thể hiện tại biên bản xác minh ngày 21/6/2013 (BL - 215).

Bên cạnh đó trong biên bản hòa giải ngày 12/3/2019 (BL 765 – 772) bà N cũng thừa nhận bà T được chia 01 phần đất thổ cư, nhưng phản bác cho rằng do bà T được chia 13 công ruộng, nhiều hơn anh em khác 03 công, nên bà T từ chối nhận và giao lại cho bà là người không chồng để quản lý thờ cúng, nhưng trình bày của bà không được bà T thừa nhận và bà cũng không có cơ sở gì khác chứng minh cho phần trình bày của bà.

Mặc khác trong bản tự khai ngày 12/6/2019 của ông Huỳnh Văn M là đại diện Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn trình bày " …… đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Hiển và cụ Viết đề lại, nhưng trong quy trình cấp giấy cho bà N không có sự đồng ý của các anh chị em là có sai sót……." . Từ các căn cứ trên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là đúng theo quy định pháp luật.

[2.2] Về thủ tục tố tụng: Ông L, bà N cho rằng cấp phúc thẩm từ khi thụ lý lại vụ án cho đến khi xét xử cấp sơ thẩm không thẩm tra xem xét lại thực tế khu đất tranh chấp, không thẩm định giá tai sản tranh chấp và ông Dương Văn Kh chết nhưng cấp phúc thẩm chưa xác định người kế thừa của ông Kh là không có căn cứ. Bởi lẽ, cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định lại tài sản tranh chấp việc này được thể hiện qua biển bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 04/7/2018 của tòa án nhân dân huyện Tri Tôn (BL 585, 586). Bên cạnh đó trong biên bản ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản tranh chấp và không yêu cầu Tòa án ra quyết định định giá tài sản ngày 12/3/2019 (BL 773 – 775) của tòa án nhân dân huyện Tri Tôn các đang sự trong vụ án đã thống nhất không yêu cầu định giá lại và tự thỏa thuận với nhau giá trị tài sản trên đất trong biên bản này có chữ ký tên và điểm chỉ của ông L, bà N chứng tỏ ông L, bà N thống nhất với nội dung ghi trong biên bản. Còn việc ông Kh chết cấp sơ thẩm cũng đã đưa các con ông Kh là Dương Văn N, Dương Thị L, Dương Thị O, Dương Văn N vào tham gi tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Kh theo thông báo số 291/TB-TA ngày 31/7/2018 (BL 644)

[3] Đối với đơn xin xét kháng cáo trể hạn của ông L thấy rằng ông L kháng cáo cho rằng sau khi xử sơ thẩm thì vợ ông bà O bệnh ông lo chạy chữa bệnh cho bà O và không có nhận được bản án sơ thẩm nên ông không kháng cáo. Tuy nhiên căn cư theo hồ sơ vụ án thì cấp sơ thẩm đã tống tạt hợp lệ bản án cho ông (bút lụt số 896) và tại phiên tòa thì ông thừa nhận có nhận bản án sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không chấp nhận việc kháng cáo trễ hạn của ông. Vã lại khi tòa án đã ra quyết định xét xử phúc thẩm thì sau đó bà O chết, nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa đưa người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà O, lúc này ông L xin kháng cáo trễ hạn là không có cơ sở xem xét, vì đã không còn thời hạn kháng cáo, theo quy định pháp luật.

[4] Ông L, bà N kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông, bà cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, bà N cũng như không chấp nhận đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn do không có căn cứ và không phù hợp với nhận định trên. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở. Tuy nhiên, do nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà N trả lại quyền sử dụng đất diện tích đất 214, 3m^2 đã cấp giấy cho bà N và những người ở trên

đất gồm ông L, bà Ng cùng các con là H, H, D, di dời tài sản trả lại đất, nên cần sửa án sơ thẩm về cách tuyên án cho cụ thể hơn:

- Buộc bà Dương Thị N và ông Dương Văn L, bà Nguyễn Thị Ng cùng các con Dương Minh H, Dương Thị Mỹ H, Dương Thị Mỹ D (do ông L giám hộ) có nghĩa vụ giao trả lại cho bà Dương Thị T 214,3m^2 đất ở tọa lạc tại thị trấn B Ch, tại các điểm, 1, 4, 30, 15 theo bản đồ hiện trang khu đất ngày 29/8/2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tr T.

- Ông Dương Văn L, bà Nguyễn Thị Ng cùng các con Dương Minh H, Dương Thị Mỹ H, Dương Thị Mỹ D có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời (hoặc chặt), nhà và vật kiến trúc, cây cối gồm: 01 căn nhà có kết cấu khung gỗ tạp, lợp tol, vách tol, nền tráng xi măng, kích thước ngang 3,8m dài 6,9m, gắn liền với nhà bếp (cùng kết cấu); 01 chuồng gà; 01 bàn Thông thiên; 01 cây Bàn; 01 cây Nam dồ; 01 cây Bạch đàn, để trả lại cho bà Dương Thị T diện tích đất 214,3m^2(tọa lạc nêu trên).

- Cho ông Dương Văn L, bà Nguyễn Thị Ng cùng các con Dương Minh H, Dương Thị Mỹ H, Dương Thị Mỹ D được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Công nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị T, về việc giữ nguyên hiện trạng 04 ngôi mộ của các ông bà: Dương Hoàng Hậu, Dương Hùng Vân, Lê Thị Thê, Dương Văn Khánh trên diện tích đất tranh chấp.

- Bà N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký lại quyền sử dụng đất diện tích phần còn lại theo quy định của pháp luật.

- Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH01503/mL ngày 11/11/2010 diện tích 214,3m^2 theo tờ bản đồ số 13, thửa 269 do Ủy ban nhân dân huyện Tri tôn đã cấp cho bà Dương Thị T , Ủy ban huyện Tri Tôn giữ nguyên ý kiến cấp cho bà T; Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà T là có cơ sở chấp nhận, nên không cần phải hủy giấy chứng nhận này và bà T không phải thực hiện đăng ký lại quyền sử dụng đất nói trên.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà N, ông L không phải chịu án phí, ông L được nhận lại 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, bà N được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị N và ông Dương Văn L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 9/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn về cách tuyên:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D9317360, do Ủy ban nhân dân huyện Tri Trôn cấp ngày 02/3/2004 diện tích 572,3m^2, theo thửa 35, tờ bản đồ 13 mang tên hộ Dương Thị N.

- Buộc bà Dương Thị N và ông Dương Văn L, bà Nguyễn Thị Ng cùng các con Dương Minh H, Dương Thị Mỹ H, Dương Thị Mỹ D (do ông L giám hộ) có nghĩa vụ giao trả lại cho bà Dương Thị T 214,3m^2 đất ở tọa lạc tại thị trấn Ba Chúc, tại các điểm, 1, 4, 30, 15 theo bản đồ hiện trang khu đất ngày 29/8/2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tri Tôn.

- Ông Dương Văn L, bà Nguyễn Thị Ng cùng các con Dương Minh H, Dương Thị Mỹ H, Dương Thị Mỹ D có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời (hoặc chặt đối với cây), nhà và vật kiến trúc, cây cối gồm: 01 căn nhà có kết cấu khung gỗ tạp, lợp tol, vách tol, nền tráng xi măng, kích thước ngang 3,8m dài 6,9m, gắn liền với nhà bếp (cùng kết cấu); 01 chuồng gà; 01 bàn Thông thiên; 01 cây Bàn; 01 cây Nam dồ; 01 cây Bạch đàn, để trả lại cho bà Dương Thị T diện tích đất 214,3m^2(tọa lạc nêu trên).

- Cho ông Dương Văn L, bà Nguyễn Thị Ng cùng các con Dương Minh H, Dương Thị Mỹ H, Dương Thị Mỹ D được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Công nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị T, về việc giữ nguyên hiện trạng 04 ngôi mộ của các ông bà: Dương Hoàng Hậu, Dương Hùng Vân, Lê Thị Thê, Dương Văn Khánh.

- Bà Năm có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký lại quyền sử dụng đất diện tích phần còn lại theo quy định của pháp luật.

- Bà Dương Thị T không phải thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất, do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH01503/mL ngày 11/11/2010 diện tích 214,3m^2 theo tờ bản đồ số 13, thửa 269 cho bà Dương Thị T.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Dương Thị O (M) về yêu cầu buộc bà Dương Thị T bồi thường thiệt hại về tài sản trị gia 30.000.000 đồng.

- Chi phí tố tụng: Công nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị T chịu 602.000 đồng chi phí đo đạt, theo hóa đơn số 0066383 ngày 17/3/2007 và 206.8000 đồng theo hóa đơn số 10048455 cùng ngày 8/6/2012 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tri Tôn và 700.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá theo biên bản quyết toán ngày 12/9/2018 của Tòa án.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đương Thị O phải chịu 1.500.000 đồng, được kháu trừ vào 400.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 009719 ngày 02/5/2012 của Chi cục thi hành án huyện Tri Tôn. Bà O còn phải nộp 1.100.000 đồng.

- Ông L, bà Ng phải cùng chịu 300.000 đồng. Bà N là người cao tuổi nên được miễn.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Văn L được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phú phúc thẩm theo biên lai thu số 0012039 ngày 21/8/2019 của Chi cuc thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 19/2/2020).

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Minh Lễ - Phạm Thị Minh Châu **Trần Minh Hải**